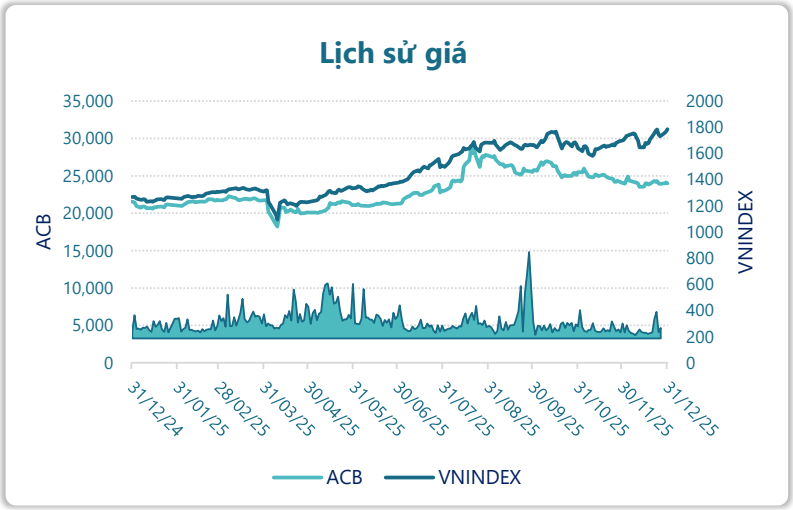
FireAnt

Ngân hàng TMCP Á Châu (HSX: ACB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,215
SL cổ phiếu LH	5,136,656,599
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,579,090
% sở hữu nước ngoài	27.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123,280
P/E	7.9
EPS	3,042

DT thuần

Q4/25

-8,987

tỷ VNĐ

QoQ: ▼707| -8.5%

YoY: ▼2,549| -39.6%

LN sau thuế

Q4/25

-19.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.60| 3.2%

YoY: ▲ 20.7| 52.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.0%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

2025

-31,850

tỷ VNĐ

YoY: ▼8,742| -37.8%

LN sau thuế

2025

-0.06

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.3| 99.7%

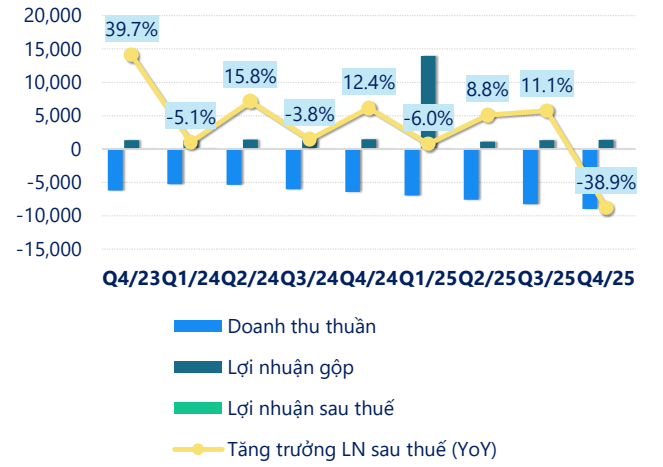
ROE

2025

#VALUE!

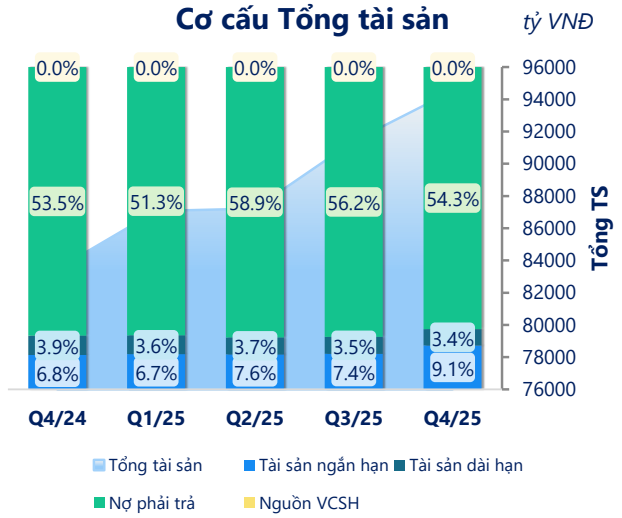
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



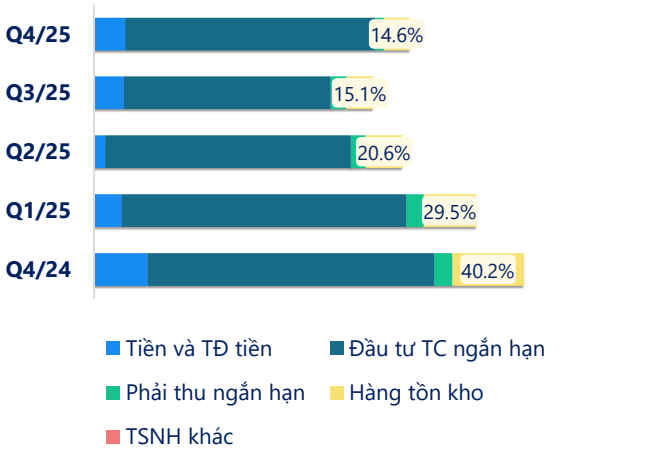
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



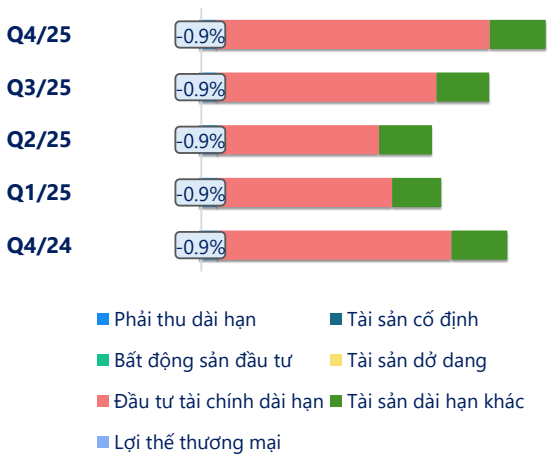
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



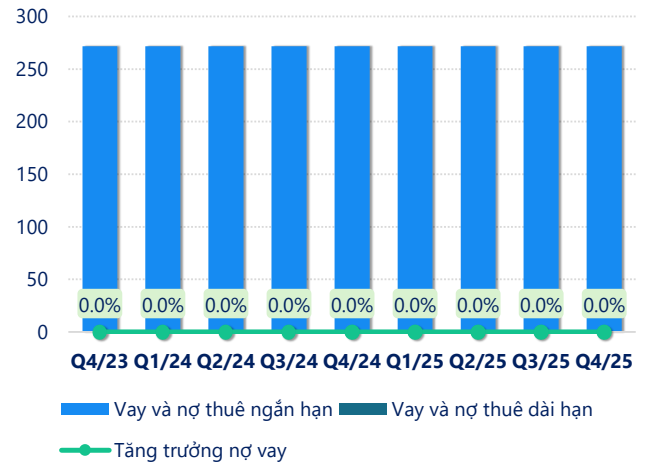
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



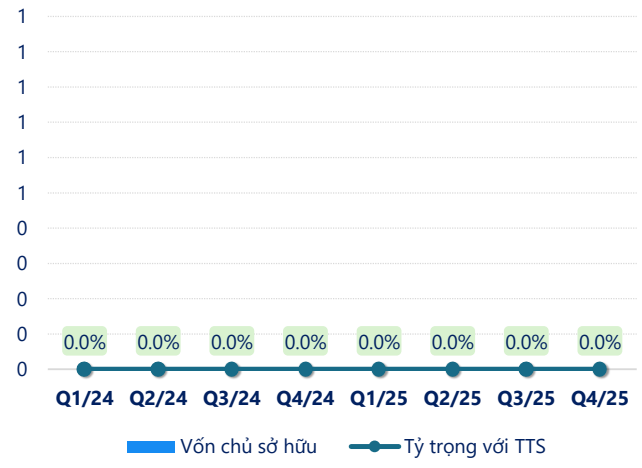
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



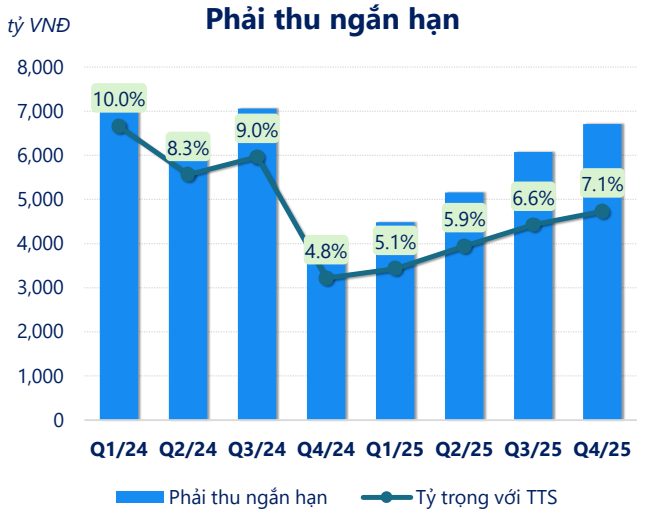
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



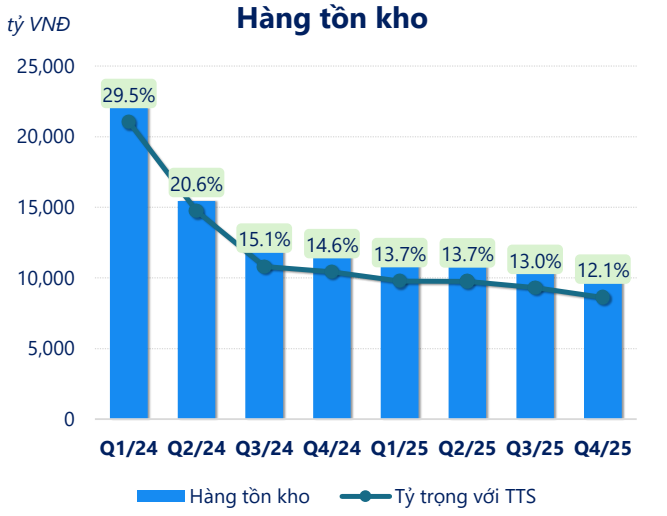
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



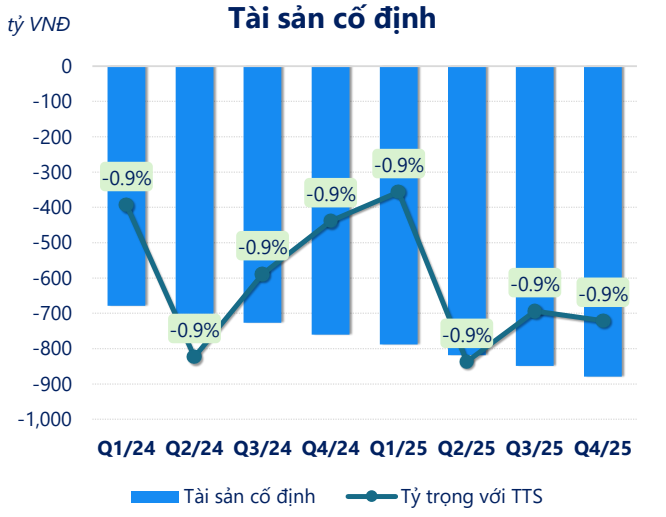
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



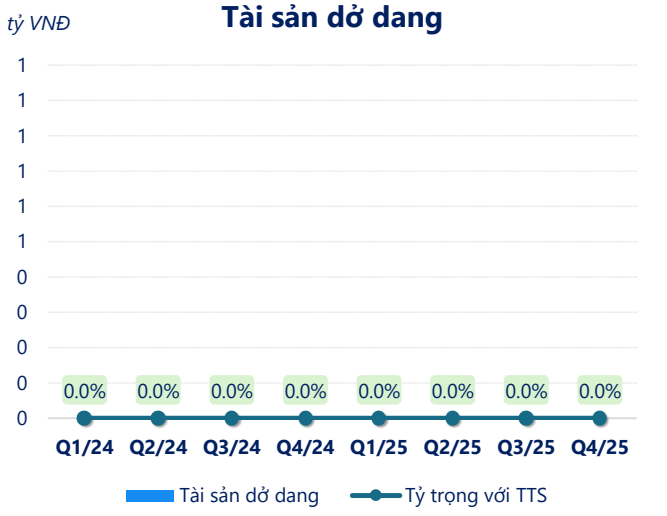
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



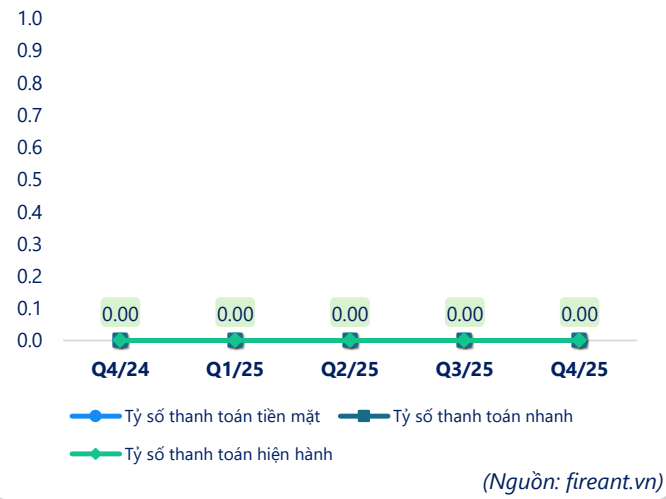
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



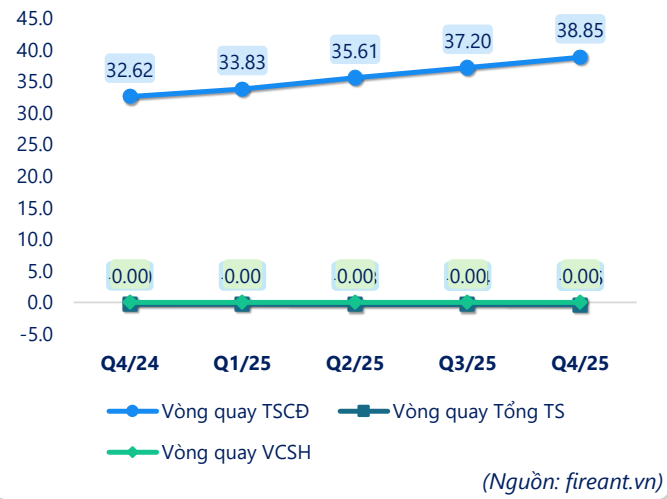
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**83,462**	**87,075**	**87,211**	**91,416**	**94,520**
Tài sản ngắn hạn	**5,696**	**5,858**	**6,666**	**6,786**	**8,625**
Tiền và tương đương tiền	25,220	13,458	5,440	15,197	16,575
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117,781	129,347	125,447	104,926	149,991
Phải thu ngắn hạn	4,029	4,480	5,160	6,073	6,708
Hàng tồn kho	12,172	11,926	11,916	11,906	11,397
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**3,222**	**3,149**	**3,223**	**3,209**	**3,200**
Phải thu dài hạn	6,504	6,523	6,684	6,720	6,806
Tài sản cố định	-760	-788	-819	-849	-879
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	91,574	71,629	66,175	94,309	121,314
Tài sản dài hạn khác	22,014	20,048	21,742	22,704	24,861
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**44,667**	**44,667**	**51,367**	**51,367**	**51,367**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	272	272	272	272	272
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)